

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS- ST

Ngày 08/5/2020

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Bá Đức.

Ông Phạm Văn Nam

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “*tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 86A ngày 27/4/2020 giữa các đương sự:

***\* Nguyên đơn:***

Nguyễn Văn P, sinh 1963; *Trú tại:* Khu phố 5, phường Phú Kh, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông P có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, sinh 1971; Trú tại Khu phố 4, phường Phú Kh, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt) và Ủy quyền cho Phan Thị Ngọc T, sinh 1996; Trú tại: Ấp Phú L, xã Hưng Khánh Trung B, huyện chợ L, tỉnh Bến Tre (có mặt)

***\* Bị đơn:***

Nguyễn Hoàng M, sinh 1964; Trú tại: Ấp Tân A, xã Tân Tr, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T trình bày:*

Vào ngày 04/10/2011 ông P có cho ông M vay số tiền 360.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 17 tháng phải trả tất nợ gốc, phương thức trả lãi hàng tháng ông M phải trả lãi 10.800.000 đồng, nhưng từ khi vay đến nay ông M không

trả nợ gốc và không đóng lãi. Đến ngày 28/5/2013 ông P và ông M thỏa thuận chốt nợ thì tổng số tiền ông M nợ ông P là 543.600.000 đồng (trong đó vốn gốc 360.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận tính đến ngày 04/6/2013 là 183.600.000 đồng) và ông P cho ông M trả dần mỗi tháng 50.000 đồng đến khi tắt nợ nhưng ông M vẫn không thực hiện.

Nay yêu cầu ông M trả cho ông P số tiền 543.600.000 đồng nêu trên, không yêu cầu tính lãi gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng M vắng mặt và cũng không có bất cứ lời trình bày nào trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

#### **\* Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: ông P cho rằng quyền lợi của ông bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản giữa ông với ông M nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông P có quyền khởi kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên xác lập giao dịch vào ngày 04/10/2011 đến ngày 28/5/2013 các bên thỏa thuận xác nhận công nợ và tạo điều kiện cho phía bị đơn trả dần hàng tháng. Do đó giao dịch được xem đã xác lập lại kể từ ngày 28/5/2013, do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả dần hàng tháng, nên quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm từ ngày 29/6/2013, đến ngày 30/12/2019 nguyên đơn mới thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản không còn. Tuy nhiên nguyên đơn vẫn có quyền đòi lại tài sản đã xác lập giao dịch với bị đơn. Do đó quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là: đòi lại tài sản” theo điều 166 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của ông P là tranh chấp đòi lại tài sản. Căn cứ điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[4] Bị đơn ông M đã được Tòa án triệu tập xét xử 02 lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn tặng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **\* Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Việc các bên thỏa thuận giao dịch vay tiền vào ngày 04/10/2011 các bên không có lập hợp đồng cụ thể, không thể hiện rõ số tiền vay, lãi suất và thời gian trả. Tuy nhiên tại biên bản xác nhận công nợ vào ngày 28/5/2013 các bên thể hiện rõ số

tiền vay là 360.000.000 đồng và lãi suất 183.600.000 đồng của 17 tháng tính đến ngày 04/6/2013 tương đương số tiền lãi 3%/tháng, bị đơn ông M thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ về vốn lãi theo biên bản xác nhận công nợ và biên bản xác nhận công nợ này được chứng thực tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây được xem là sự thỏa thuận lại và là tình tiết sự kiện không cần phải chứng M và do ông M vi phạm nghĩa vụ, nên buộc ông M trả lại cho ông P là phù hợp.

[2] Tuy nhiên tại thời điểm các bên xác lập giao dịch vào ngày 04/10/2011 và tại thời điểm xác nhận công nợ ngày 28/5/2013, lãi suất các bên thỏa thuận chịu sự điều chỉnh tại khoản 1 điều 476 Bộ luật dân sự 2005, cụ thể lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố đối với loại cho vay tương ứng, theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản mà Ngân hàng quy định là 9%/năm tương đương 0.75%/tháng. Do đó lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 1.125%/tháng, tương ứng số tiền lãi 4.050.000 đồng/tháng, nên chỉ chấp nhận mức lãi suất nhập vốn để trả theo biên bản xác nhận công nợ ngày 28/5/2013 là 1.125%/tháng x17 tháng với số tiền lãi 68.850.000 đồng, đối với mức lãi suất thỏa thuận vượt không có hiệu lực, nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đối với mức lãi suất kể từ sau ngày 04/6/2013 do đã hết thời hiệu khởi kiện và nguyên đơn không yêu cầu, nên không xem xét.

[3] ông M vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Phần lãi suất nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với phần không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 166 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng khoản 4 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P . Buộc ông Nguyễn Hoàng M trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 360.000.000 đồng vốn gốc và 68.850.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng 428.850.000 (bốn trăm hai mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông P đối với số tiền lãi suất còn lại 114.750.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông P, nếu ông M chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Hoàng M chịu 21.154.000 (hai mươi một triệu một trăm năm mươi bốn ngàn) đồng. Ông Nguyễn Văn P chịu -5.737.500 (năm triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 12.872.000 đồng theo biên lai thu số 0008171 ngày 02/01/2020. Hoàn trả cho ông P số tiền tạm ứng án phí 7.135.500 (bảy triệu một trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008171 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Trần Thanh Phong**